



TỔNG CÔNG TY
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ-CTCP
**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN
VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số ~~07~~/ĐNB - HĐQT
V/v: Công bố thông tin chi tiêu
kế hoạch kinh doanh năm 2022 của PSE.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 02 năm 2022.

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. Tổ chức công bố thông tin:

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ
2. Mã chứng khoán: PSE
3. Trụ sở chính: Số 27 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Điện thoại: 028.35 111 999 Fax: 028.35 111 666
5. Người thực hiện công bố thông tin:
Ông Lê Đức Thuận – Giám đốc Công ty.

II. Nội dung thông tin công bố:

- Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ công bố thông tin về chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2022 của Công ty theo Nghị quyết phê duyệt của HĐQT Công ty ngày 08/02/2022 cụ thể như sau:

1. Chỉ tiêu sản lượng:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2022
I	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	351.000
1.	Đạm Phú Mỹ	Tấn	210.000
2.	NPK Phú Mỹ	Tấn	48.000
3.	Phân bón nhập khẩu thương hiệu Phú Mỹ do TCT cung cấp	Tấn	63.000
4.	Phân bón tự doanh của đơn vị	Tấn	27.000

2. Kế hoạch tài chính:



STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2022
1.	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.882,46
2.	Tổng chi phí	Tỷ đồng	2.861,20
3.	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	21,26
4.	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	17,01
5.	Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	11

- Hội đồng quản trị Công ty sẽ báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 nêu trên tại phiên họp gần nhất.
- Địa chỉ website đăng tải công bố thông tin: <http://pse.vn/>

Chúng tôi cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã công bố.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, GD, BKS (để b/c);
- Ban biên tập website (để đăng tin);
- Lưu VT, TCHC, HM.03.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN
GIÁM ĐỐC**



Lê Đức Thuận



Số: 04 /NQ-ĐNB

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 02 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

V/v: **Chấp thuận kế hoạch kinh doanh năm 2022**
của Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ (sửa đổi, bổ sung) đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25/06/2021;
- Xét đề nghị của Giám đốc Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ tại công văn số 04/ĐNB-TCHC, ngày 24/01/2022 về việc thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2022.
- Căn cứ Biên bản lấy ý kiến số 03/BB-HĐQT ngày 08/02/2022 của Hội đồng quản trị Công ty,

QUYẾT NGHỊ:

- Điều 1:** Chấp thuận Kế hoạch kinh doanh năm 2022 của Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ với nội dung theo Phụ lục đính kèm.
- Điều 2:** Giám đốc Công ty có trách nhiệm chỉ đạo các phòng trực thuộc Công ty triển khai thực hiện theo đúng các quy định hiện hành.
- Điều 3:** Các ông/bà thành viên HĐQT, Giám đốc, các Phó giám đốc, Trưởng các phòng trực thuộc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Ban kiểm soát;
- Chi ủy Công ty;
- Lưu VT, HĐQT, HM.01.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Hùng

PHỤ LỤC
KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ

I. NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH

1. Tổ chức hoạt động kinh doanh năm 2022 đạt mục tiêu: An toàn, hiệu quả và tiết kiệm.
2. Đảm bảo giữ vững thị phần Ure và phát triển mạnh thị phần NPK Phú Mỹ tại khu vực.
3. Xây dựng giải pháp khắc phục các khó khăn trong kinh doanh sản phẩm NPK để hoàn thành vượt mức kế hoạch, nỗ lực phấn đấu đạt sản lượng kinh doanh NPK Phú Mỹ đến 48.000 tấn trong năm 2022 nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư dự án của TCT, hướng tới gai tăng sản lượng kinh doanh vào những năm tiếp theo.
4. Nâng cao chất lượng dịch vụ hậu cần, xây dựng hình ảnh khác biệt với các đối thủ cạnh tranh bằng chất lượng dịch vụ tối ưu.
5. Tăng cường công tác quản lý, xây dựng và phát triển hiệu quả kênh phân phối, đảm bảo bền vững cả về chiều rộng và chiều sâu.
6. Tăng cường công tác quản trị, kiểm soát và tiết giảm tối đa các khoản chi phí cần tiết giảm bằng các giải pháp cụ thể, đặc biệt tiết giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại đơn vị.
7. Tăng cường hiệu quả công tác cân đối vốn, dòng tiền và quản lý công nợ để không phát sinh nợ xấu mới, có biện pháp xử lý để thu hồi nợ tồn đọng, khó đòi, đảm bảo tình hình tài chính lành mạnh và thực hiện đầy đủ các biện pháp quản trị rủi ro theo quy định.
8. Xây dựng phương án cơ cấu vốn chủ sở hữu phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh, đầu tư, đồng thời đảm bảo bảo toàn phần vốn góp của Tổng công ty tại Công ty theo đúng quy định hiện hành.
9. Quản lý công tác đầu tư, mua sắm đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ và tuân thủ các quy định của Tập đoàn/Tổng công ty/Công ty, phù hợp với các quy định của Pháp luật hiện hành.
10. Tham gia tích cực công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới. Dựa trên thông tin thị trường, nắm bắt thị hiếu khách hàng, thông tin sản phẩm, đối thủ tại khu vực. Chủ động đăng ký đề tài nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới, phối hợp chặt chẽ với bộ phận NCPT Tổng công ty thông tin ý tưởng, đề xuất nghiên cứu các sản phẩm mới phù hợp nhu cầu và định hướng thị trường.
11. Tham gia tích cực công tác kinh doanh sản phẩm mới do Tổng công ty nghiên cứu sản xuất.
12. Phát huy lợi thế về hệ thống kho bãi và quan hệ với các đối tác/khách hàng, tổ chức khai thác thêm hàng bên ngoài nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng các kho do Công ty quản lý.
13. Thực hiện công tác tái cơ cấu, thoái vốn và xây dựng chiến lược phát triển của đơn vị và Tổng công ty theo kế hoạch triển khai của Tổng công ty.

14. Tiếp tục thực hiện và tuân thủ nghiêm túc các quy định về phòng chống dịch bệnh Covid-19 đã được Chính phủ, Bộ Y tế, các cơ quan Trung ương, địa phương và PVN ban hành. Thường xuyên cập nhật, dự báo diễn biến của dịch bệnh Covid-19, xây dựng kế hoạch thích ứng an toàn, kiểm soát dịch bệnh đảm bảo phù hợp chiến lược chuyển trạng thái kinh tế - xã hội của Chính phủ và đặc thù hoạt động của đơn vị, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị.
15. Thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, đảm bảo thống nhất, đồng bộ với công tác triển khai chuyển đổi số của Tổng công ty.
16. Xây dựng văn hóa và thương hiệu Công ty gắn liền với văn hóa và thương hiệu PVFCCo. Quan tâm chăm lo đời sống sức khỏe, tinh thần, điều kiện làm việc và thu nhập cho Người lao động.
17. Thực hiện các nhiệm vụ khác của Tổng công ty giao.

II. CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2022				
			Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
A	B	C	1	2	3	4	5
I	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	351.000	74.000	105.300	94.600	77.100
1	Đạm Phú Mỹ	Tấn	210.000	50.000	57.000	54.000	49.000
2	NPK Phú Mỹ	Tấn	48.000	5.700	17.500	17.200	7.600
3	Đạm KeBo	Tấn	3.000	700	900	600	800
4	Phân bón nhập khẩu thương hiệu Phú Mỹ do TCT cung cấp	Tấn	63.000	11.300	22.700	16.000	13.000
5	Phân bón tự doanh của đơn vị	Tấn	27.000	6.300	7.200	6.800	6.700
II	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.882,46	596,07	868,70	793,39	624,29
1	Đạm Phú Mỹ	Tỷ đồng	1.701,00	405,00	461,70	437,40	396,90
2	NPK Phú Mỹ	Tỷ đồng	516,91	61,64	188,34	185,36	81,56
3	Đạm KeBo	Tỷ đồng	27,30	6,37	8,19	5,46	7,28
4	Phân bón nhập khẩu thương hiệu Phú Mỹ do TCT cung cấp	Tỷ đồng	464,83	82,67	164,64	121,77	95,75
5	Phân bón tự doanh của đơn vị	Tỷ đồng	163,35	38,12	43,56	41,14	40,54
6	Hoạt động tài chính	Tỷ đồng	0,60	0,15	0,15	0,15	0,15
7	Doanh thu khác	Tỷ đồng	8,47	2,12	2,12	2,12	2,12
III	Tổng chi phí	Tỷ đồng	2.861,20	591,97	861,52	787,08	620,63



STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2022				
			Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
A	B	C	1	2	3	4	5
1	Giá vốn	Tỷ đồng	2.804,30	579,21	846,00	771,95	607,13
2	Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	34,47	7,36	9,68	9,26	8,17
3	Chi phí quản lý	Tỷ đồng	21,43	5,15	5,58	5,62	5,08
4	Chi phí tài chính	Tỷ đồng	1,00	0,25	0,25	0,25	0,25
IV	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	21,26	4,10	7,18	6,31	3,67
V	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	17,01	3,28	5,75	5,05	2,93
VI	Các chỉ tiêu khác						
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	260,00				
2	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	158,04				
3	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	125				
	Trong đó: Tỷ lệ góp của Tổng công ty	%	75				
4	Tỷ suất LNTT/VĐL	%	17,01				
5	Tỷ suất LNTT/VCSH	%	13,45				
6	Thuế và các khoản phải nộp NSNN	Tỷ đồng	5,89	1,23	1,85	1,67	1,14
7	Trích lập các quỹ	Tỷ đồng	3,40	0,66	1,15	1,01	0,59
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi (tạm trích 20% LNST)	Tỷ đồng	3,40	0,66	1,15	1,01	0,59
8	Tỷ lệ chia cổ tức	%	11				
9	Nộp Tổng công ty	Tỷ đồng	10,31				
	- Cổ tức	Tỷ đồng	10,31				
10	Hệ số nợ						
	- Hệ số nợ / VĐL	Lần	0,45				
	- Hệ số nợ / VCSH	Lần	0,35				
11	Lao động và thu nhập						
	- Lao động cuối kỳ	Người	66	66	66	66	66
	- Lao động bình quân	Người	66	66	66	66	66



STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2022				
			Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
A	B	C	1	2	3	4	5
	- Thu nhập bình quân	Tr.đ/ng/th	27,53	27,53	27,53	27,53	27,53
	- Năng suất lao động bình quân (tính theo doanh thu)	Tr.đ/ng/th	3.639	3.010	4.387	4.007	3.153
12	Đào tạo						
	- Thực hiện đào tạo	Lượt người	126	2	10	109	5
	- Chi phí thực hiện đào tạo	Tỷ đồng	0,25	0,00	0,02	0,22	0,01
13	Thực hành tiết kiệm chống lãng phí	Tỷ đồng	0,64				
VII	Các chỉ tiêu đầu tư	Tỷ đồng					
1	Giá trị thực hiện đầu tư	Tỷ đồng	7,19	1,44	2,16	2,16	1,44
	- Mua sắm TS TTB	Tỷ đồng	7,19	1,44	2,16	2,16	1,44
2	Giá trị giải ngân	Tỷ đồng	7,19	1,44	2,16	2,16	1,44
	- Từ vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	7,19	1,44	2,16	2,16	1,44
	- Từ vốn vay, khác	Tỷ đồng					

Ghi chú: Chi phí bán hàng không bao gồm chi phí ấn vật phẩm và quà tặng nhận từ TCT.